

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **61/2021/HS-ST**

Ngày 15/10/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Ông **Danh Pì Sách**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Vũ Văn Hợp**

2/ Ông **Đinh Chí Công**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị Huyền Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Minh Vương** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 53/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2021, về tội “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/QĐXXST– HS ngày 04 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo:

Trương Tuấn A (Phương Đ), sinh năm 1988 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: Số 20/44 Nguyễn Công Trứ, khu phố Nguyễn Công T, phường Vĩnh Th, thành phố Rạch G, tỉnh Kiên Giang; Trình độ văn hóa: 6/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Trương Hữu Tr (chết) và bà Huỳnh Thị B (chết); Tiền sự: Không.

Tiền án có 01 tiền án: Vào năm 2018 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xử phạt 01 năm 03 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, tại bản án hình sự sơ thẩm số: 207/2018/HS-ST ngày 28/11/2018.

Ngoài ra, vào năm 2010 bị cáo bị Tòa án nhân dân TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xử phạt 04 năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo bản án hình sự sơ thẩm số: 193/2010/HS-ST ngày 29/12/2010 đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/01/2021 đến ngày 06/8/2021 bị cáo cho bảo lãnh tại ngoại, (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: Anh **Trương Quốc T**, sinh năm 1978 (có mặt).

Trú tại: ấp Hòa B, xã Mong Th, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 04 tháng 01 năm 2021 Trương Tuấn A rủ Nguyễn Nhật H đi tìm tài sản lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài thì Hào đồng ý. Lúc này Tuấn A điều khiển xe mô tô biển số kiểm sát 68C1-104.45 của Tuấn Anh chở Hào đi vào lộ nông thôn cặp kênh “Cổng bản số 2” thuộc ấp Hòa B, xã Mong Thọ, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang để tìm tài sản lấy trộm. Khi Tuấn A và H đi được một đoạn thì cả hai thấy một xe mô tô BKS 68T3-6118 của anh Trương Quốc Tuấn đang đậu cặp lộ nông thôn nên quyết định lấy trộm chiếc xe trên.

Để thực hiện ý định trên, Hào xuống xe lên lút đi đến nơi đậu chiếc xe biển số kiểm sát 68C1-104.45 dùng tay bứt dây nguồn điện xe (dây max) để khởi động xe. Tuấn anh thì quan sát xung quanh để canh đường. Sau khi lấy trộm được xe Hào điều khiển xe chạy xe 68T3-6118 chạy đến Kênh 5 huyện Tân Hiệp. Tại đây, Tuấn A kiểm tra xe vừa trộm được đồng thời kêu Hào chạy xe đem đi cất giấu, còn Tuấn Anh sẽ tìm chỗ bán xe. Đến khoảng 0 giờ ngày 05 tháng 01 năm 2021 Tuấn A đến nơi H giấu xe để đem xe đi bán thì không thấy xe trên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Hiệp bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Trương Tuấn A về hành vi trộm cắp tài sản, xảy ra tại ấp Kinh 9A, xã Thạnh Đông, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Đến Ngày 21 tháng 01 năm 2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can Trương Tuấn A về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Hiệp. Tuấn A đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản là xe mô tô BKS 68T3-6118 tại ấp Hòa B, xã Mong Thọ, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành đã tiến hành mời Nguyễn Nhật H (Cu Đen), sinh năm 2003, cư trú tại: ấp Đập Đá, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang về làm việc. Tuy nhiên hiện tại Hào đã bỏ địa phương đi đâu không rõ, vì vậy chưa thể làm việc được.

Tại Bản kết luận về việc định giá tài sản trong Tố tụng hình sự số: 13 ngày 18 tháng 03 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu xanh, BKS 68T3-6118, số khung MICG0272Y019637, số máy VGMNE-0019637 có giá là 7.433.000 đồng (Bảy triệu bốn trăm ba mươi ba ngàn đồng).

Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo có một tiền án chưa được xóa án tích. Vì vậy bị cáo có tình tiết tăng nặng là tái phạm.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Về vật chứng trong vụ án:

Trong quá trình điều tra, Trương Tuấn A khai hiện tại không biết xe mô tô BKS 68T3-6118 mà Tuấn anh trộm được đang ở đâu vì chiếc xe trên do Hào cất giấu. Vì vậy cơ quan cảnh sát điều tra không thể thu giữ được.

Đối với xe mô tô biển số kiểm sát 68C1-104.45 mà Tuấn A chở H. Hiện tại chiếc xe trên Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Hiệp đã thu giữ trong một vụ án khác. Vì vậy Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành không thu giữ vật chứng trên.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Trương Quốc T yêu cầu bị cáo Tuấn Anh bồi thường lại giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 7.433.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường nhưng đến nay chưa bồi thường.

Tại bản cáo trạng số: 60/CT-VKS-CT ngày 28/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Trương Tuấn A về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trương Tuấn A phạm tội: “Trộm cắp tài sản” và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Trương Tuấn A** từ 09 đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự đề nghị HĐXX áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự, xử buộc bị cáo Trương Tuấn A phải trả lại cho anh Trương Quốc T giá trị chiếc xe bị chiếm đoạt với số tiền là 7.433.000 đồng.

Bị cáo và người bị hại không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Bị cáo được nói lời nói sau cùng, bị cáo đã nhận thấy hành vi phạm tội của bị cáo là sai phạm, bị cáo rất hối hận, bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên vào sáng ngày 04/01/2021 Trương Tuấn Anh rủ Nguyễn Nhật H (chưa xác định rõ nhân thân lai lịch) đi tìm tài sản trộm cắp thì H đồng ý. Sau đó, Tuấn A điều khiển xe chở H vào “Cổng bản số 2” thuộc ấp Hòa Bình, xã Mong Thọ, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang thì phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu đen, biển kiểm soát 68T3-6118 của anh Trương Quốc T đang đậu trên lộ nông thôn nên cả hai lén lút lấy trộm chiếc xe trên. Sau đó, Tuấn A giao xe cho H cất giấu. Theo kết quả định giá tài sản thì chiếc xe mà Tuấn A lấy trộm có giá trị là 7.433.000 đồng.

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự thì “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”. Như vậy, hành vi lén lút lấy trộm chiếc xe có giá trị 7.433.000 đồng của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” như đã viện dẫn nêu trên.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi bị cáo đã trưởng thành có đủ năng lực nhận thức và biết rõ việc lén lút lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Mặc dù nhận thức được hành vi sai trái của bản thân, thế nhưng chỉ vì tham lam, chạy lười lao động nên trong ý thức bị cáo luôn nảy sinh ý định lấy trộm tài sản của người khác bán phục vụ cho cho bản thân mà không phải tốn công lao động. Cụ thể, trong vụ án này cho thấy để có tiền tiêu xài bị cáo đã chủ động rủ H đi tìm tài sản lấy trộm và khi phát hiện chiếc xe mô tô biển số 68T3-6118 của anh T đang đậu cặp lộ nông thôn không người trông giữ bị cáo liền lấy cắp đem đi. Hành vi phạm tội của bị cáo không những đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn tạo tâm lý bất an cho người dân tại địa phương, gây mất an ninh trật tự nơi xảy ra vụ án nên hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Xét về tình tiết tăng nặng: Vào năm 2018 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xử phạt 01 năm 03 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” vẫn chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội mới nên trong lần phạm tội này bị cáo bị áp dụng thêm 01 tình tiết tăng nặng là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Ngoài ra cho thấy, vào năm 2010 bị cáo cũng đã 01 lần bị Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xử phạt 04 năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tuy đã được xóa án tích nhưng qua đây cần xem xét về nhân thân xấu của bị cáo khi lượng hình mới là tương xứng.

[4] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được áp dụng 01 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét hình phạt khi lượng hình là phù hợp.

[5] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người bị hại anh Trương Quốc T yêu cầu bị cáo Tuấn Anh trả lại giá trị chiếc xe mà bị cáo đã chiếm đoạt theo như kết quả định giá là 7.433.000 đồng, ngoài ra anh T không yêu cầu gì thêm, bị cáo đồng ý trả lại số tiền trên theo yêu cầu của anh Tuấn nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[7] Về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng: Không có nên không xem xét.

[8] Về án phí: Xử buộc bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trương Tuấn Anh phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Trương Tuấn A 09** (chín) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 19/01/2021 cho đến ngày 06/8/2021.

Về trách nhiệm dân sự áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự, xử buộc bị cáo Trương Tuấn A phải trả lại cho anh Trương Quốc T giá trị chiếc xe đã chiếm đoạt với số tiền là 7.433.000 đồng.

Về án phí áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015 và

Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Xử buộc bị cáo Trương Tuấn A phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và $(7.433.000 \text{ đồng} \times 5\%) = 371.650 \text{ đồng}$ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bị cáo và người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo và bị hại;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

Danh Pì Sách